

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16/8/2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Như Lữ

2. Ông Lương Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Nghị - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 62/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2024, về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quàng Thị L, sinh năm 1985.

Hộ khẩu thường trú: bản Ch, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên

Chỗ ở hiện nay: Bản X, xã M, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

Chị L có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: anh Lò Văn S, sinh năm: 1988.

Hộ khẩu thường trú: bản Ch, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Đội 4, Phân trại 2, Trại giam Y; địa chỉ: Xã H, huyện Ph, tỉnh S La.

Anh S có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2024, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, bản tự khai của bị đơn Lò Văn S ngày 12/7/2024 cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nội dung vụ án cụ thể như sau:

1. **Về hôn nhân:** Nguyên đơn chị Quàng Thị L trình bày Chị và anh Lò Văn S trên cơ sở tình yêu, tự nguyện về sống với nhau có đăng ký kết hôn từ năm 2011 tại UBND xã M, huyện ĐB. Quá trình chung sống diễn ra bình thường cho đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do anh S nghiện ma túy, không chăm lo làm ăn, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cãi cự nhau. Đến tháng 10/2020 hai vợ chồng sống ly thân, chị Quàng Thị L mang con về bản Xôm, xã Mừng Nhà, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên sinh sống cho đến nay, trong thời

gian sống ly thân anh S sinh sống như thế nào chị L không biết, nhận thấy tình cảm không còn ngày 3/6/2024 chị làm đơn xin ly hôn anh S, liên lạc với anh S tại bản Ch, xã P thì được anh em họ hàng báo anh S bị bắt đi tù, đang chấp hành án tại trại giam Y. Do vậy, tại phiên tòa hôm nay chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh S.

Về vấn đề này, theo bản tự khai ngày 12/7/2024 bị đơn anh Lò Văn S có lời khai thể hiện việc anh và chị L tự nguyện, có đăng ký kết hôn như chị L bày trong đơn khởi kiện, tuy nhiên nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị L ngoại tình trong thời gian anh S đi làm thuê ở Hà Nội, từ năm 2020 đến nay cả hai đã sống ly thân. Anh S không đồng ý ly hôn mà đề nghị để anh S chấp hành xong hình phạt tù (vào ngày 5/12/2024) về nhà thì mới giải quyết.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Các đương sự đều khai thống nhất có một con chung là cháu Lò Ánh D, sinh ngày 30/4/2015. Nguyên đơn chị Quàng Thị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con vì hiện nay chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tại bản X, xã M, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên, anh S đang chấp hành án phạt tù không thể trực tiếp nuôi dưỡng con được. Chị L có sức khỏe đi làm nương của bố mẹ, đi làm thuê đủ trang trải sinh hoạt của hai mẹ con. Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lò Văn S có lời khai thể hiện do anh S đang chấp hành án phạt tù nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con, hiện con đang được chị L trực tiếp chăm sóc như chị L trình bày nên đồng ý để chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Tòa án lấy lời khai của cháu Lò Ánh D, sinh ngày 30/4/2015 thể hiện, hiện nay cháu đang được mẹ nuôi dưỡng tại bản X, xã M, huyện ĐB. Cháu có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

3. *Về tài sản chung, riêng; nợ chung, nợ riêng:* Chị L và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có ý kiến:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các quy định: Điều 51, Điều 56; Điều 58, Các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay mặc dù bị đơn vắng mặt lần thứ nhất nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quàng Thị L, cho chị L được ly hôn với anh Lò Văn S. Giao cháu Lò Ánh D cho chị Quàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, riêng các đương sự không yêu cầu giải quyết. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị L theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Quàng Thị L xin ly hôn với anh Lò Văn S cư trú tại bản Ch, xã P, huyện Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa thấy rằng: Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, cho nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Quàng Thị L thấy rằng:

Chị L và anh Lò Văn S tại thời điểm kết hôn ngày 18/2/2011 hai bên tự nguyện, đủ tuổi kết hôn, không rơi vào trường hợp cấm kết hôn, UBND xã M, huyện Đ đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn là đúng quy định của pháp luật. Do đó, có căn cứ khẳng định hôn nhân giữa chị L và anh S là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, hiện nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Lò Văn S nhưng anh S lại không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm hôn nhân cần phải xuất phát từ hai phía vợ, chồng mới mang lại hạnh phúc. Mặc khác qua lời khai của các đương sự, xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định trong cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh S có mâu thuẫn, sống không hạnh phúc đã diễn ra trong thời gian dài từ năm 2015 đến nay. Nguyên nhân chính là do anh Lò Văn S nghiện ma túy, không chăm lo làm ăn, kinh tế gia đình khó khăn, sự nghi ngờ của anh S về việc chị L ngoại tình (anh S không cung cấp được việc chị L ngoại tình). Đỉnh điểm mâu thuẫn là việc hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay, chị L mang con về sống tại bản Xôm, xã Mường Nhà, huyện Điện Biên, anh S sống tại bản Ch, xã P, huyện Đ, các bên không quan tâm gì đến nhau. Điều đó có căn cứ để khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Quàng Thị L cho được ly hôn với anh Lò Văn S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Các đương sự đều khai thông nhất có một con chung là cháu Lò Ánh D, sinh ngày 30/4/2015, cháu Dương đang được chị L chăm sóc nuôi dưỡng. Nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, bị đơn cũng có lời khai thể hiện do bản thân đang chấp hành án phạt tù không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên để con cho chị Quàng Thị L trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự đều có sự thống nhất trong trách nhiệm nuôi con, việc thống nhất này của các đương sự là phù hợp với hoàn cảnh thực tế, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật. Bản thân cháu D cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cháu Lò Ánh D cho chị Quàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Dương đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động theo các Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình khi có yêu cầu.

[4] *Về tài sản riêng, chung; Nợ chung, nợ riêng của vợ chồng*: các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Theo Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, lẽ ra chị Quàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên tại phiên tòa, chị L xin miễn án phí dân sự sơ thẩm vì là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị L theo Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 14, Khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;*

- *Áp dụng Khoản 1 Điều 56; Điều 58; các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;*

- *Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.*

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Quàng Thị L, cho chị Quàng Thị L được ly hôn với anh Lò Văn S.

2. Về con chung:

- *Giao cháu*: Lò Ánh D, sinh ngày 30/4/20215 cho chị Quàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh S được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, riêng; nợ chung; riêng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Quàng Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Quàng Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/8/2024). Anh Lò Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Điện Biên Đông;
- CCTHADS huyện Điện Biên Đông;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Mường Nhà, huyện Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Như Lữ Lương Văn Dũng

Nguyễn Thị Nga

